

PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ CỦA VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

VŨ QUỐC PHONG

Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh City University of Technology,
Viet Nam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: vqphong1976@hcmut.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/7/2026

Ngày sửa bài: 27/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 12/8/2026

Tóm tắt:

Xây dựng Chính phủ điện tử là một bước ngoặt chiến lược quan trọng trong việc chuyển đổi số, làm thay đổi một cách toàn diện nền quản trị quốc gia. Trong giai đoạn 2003 - 2024, Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn trong phát triển Chính phủ điện tử, việc triển khai và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giúp tháo gỡ các nút thắt và tạo ra những động lực phát triển Chính phủ điện tử. Bằng phương pháp thống kê mô tả, so sánh bài viết phân tích thực trạng và đề xuất những giải pháp phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, công nghệ thông tin

E-government development in Vietnam: Current status and strategic development vision

Abstract:

E-government development represents a strategic milestone in digital transformation and is reshaping national governance. Between 2003 and 2024, Vietnam achieved significant progress in e-government development. The implementation of Politburo Resolution No. 57-NQ/TW dated December 22, 2024, on breakthroughs in science, technology, innovation, and national digital transformation has contributed to removing bottlenecks and creating new momentum for further development. Using descriptive statistics and comparative methods, this study analyzes the current state of e-government development in Vietnam and proposes solutions for the coming period. The findings provide a basis for identifying major achievements, remaining limitations, and strategic directions for strengthening digital infrastructure, online public services, human resources, and the effectiveness of digital governance.

Keywords: e-government, digital transformation, information technology

1. Đặt vấn đề

Chính phủ điện tử (E-Government) là việc ứng dụng các tiến bộ về công nghệ thông tin vào các hoạt động của Chính phủ, cung cấp các dịch vụ công cộng, thực hiện các hoạt động của Chính phủ trên các nền tảng như website (Liên Hợp quốc, 2026). Sự ra đời của Chính phủ điện tử là một cuộc cách mạng trong tiến trình phát triển hành chính công nhằm tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước của Chính phủ, mang lại thuận lợi cho người dân, tăng cường sự công khai minh bạch, giảm chi tiêu chính phủ.

Đối với Việt Nam, việc xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử được xem là khâu đột phá chiến lược để hiện đại hóa nền hành chính quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh và phục vụ người dân tốt hơn. Vì vậy, việc xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử ở Việt Nam là cấp thiết và là một phần quan trọng trong tiến trình cải cách nền hành chính quốc gia.

2. Thực trạng phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam giai đoạn 2003 - 2024

2.1. Một số kết quả nổi bật

Trong hơn một thập niên qua, xây dựng Chính phủ điện tử và tiến tới Chính phủ số đã trở thành một trong những trọng tâm của chiến lược chuyển đổi số quốc gia ở Việt Nam. Ngay từ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử, Chính phủ đã đặt mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao tính công khai, minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tiếp đó, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã khẳng định: “Phát triển Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số là xu thế tất yếu”.

Từ năm 2001, Vụ Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc (UN DESA) đã khảo sát và dùng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) để đánh giá mức độ phát triển Chính phủ điện tử của 193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, Chỉ số này tổng hợp trung bình từ 3 chỉ số thành phần là chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (OSI), Chỉ số Hạ tầng viễn thông (TII) và chỉ số nguồn nhân lực (HCI).

Về điểm số EGDI, Việt Nam tăng liên tục từ 0,357 điểm của năm 2003 lên 0,771 điểm của năm 2024, tương ứng mức tăng 0,414 điểm. Đây là mức tăng trưởng điểm EGDI cao nhất trong khu vực Đông Nam Á: Thái Lan tăng 0,390, Indonesia tăng 0,377, Malaysia tăng 0,287, Singapore tăng 0,223 (Theo Bảng 1). Mức tăng của Việt Nam trong giai đoạn này cao hơn nhiều so với mức trung bình của châu Á là 0,284 điểm (0,415 - 0,699) và thế giới là 0,285 điểm (0,353 - 0,638).

Bảng 1. Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của các nước, vùng lãnh thổ trong khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2003 - 2024

STT	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	2003	2004	2005	2008	2010	2012	2014	2016	2018	2020	2022	2024
1	Singapore	0,746	0,834	0,850	0,701	0,748	0,847	0,908	0,883	0,881	0,915	0,913	0,969
2	Thailand	0,446	0,510	0,552	0,503	0,465	0,509	0,463	0,552	0,654	0,757	0,766	0,835
3	Malaysia	0,524	0,541	0,571	0,606	0,610	0,670	0,612	0,617	0,717	0,789	0,774	0,811
4	Indonesia	0,422	0,391	0,382	0,411	0,403	0,495	0,449	0,448	0,526	0,661	0,716	0,799
5	Viet Nam	0,357	0,338	0,364	0,456	0,445	0,522	0,470	0,514	0,593	0,667	0,679	0,771
6	Philippines	0,574	0,526	0,572	0,500	0,464	0,513	0,477	0,577	0,651	0,689	0,652	0,762
7	Brunei Darussalam	0,459	0,463	0,448	0,467	0,480	0,625	0,504	0,530	0,692	0,739	0,727	0,755

8	Cambodia	0,264	0,286	0,299	0,299	0,288	0,290	0,300	0,259	0,375	0,511	0,506	0,575
9	Myanmar	0,280	0,303	0,296	0,292	0,282	0,270	0,187	0,236	0,333	0,432	0,499	0,500
10	Lao PDR	0,192	0,233	0,242	0,238	0,264	0,294	0,266	0,309	0,306	0,329	0,376	0,440
11	Timor-Leste	0,087	0,046	0,251	0,246	0,227	0,237	0,253	0,258	0,382	0,465	0,437	0,402

Nguồn: Vụ Kinh tế và Xã hội Liên Hợp quốc

Về thứ hạng EGDI trong giai đoạn 2003-2024, Việt Nam tăng 26 bậc (từ xếp hạng 97 vào năm 2003 tăng lên thứ hạng 71 vào năm 2024). Điều này cho thấy, Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia có sự bứt phá tốt nhất trong khu vực, trong đó: Singapore tăng 9 bậc, Indonesia tăng 6 bậc, Thái Lan tăng 4 bậc, trong khi nhiều quốc gia trong khu vực bị sụt giảm thứ hạng như Philippines giảm 40 bậc, Brunei giảm 20 bậc, Malaysia giảm 14 bậc (Liên Hợp quốc, 2026).

Vị thế tương quan trong khu vực ASEAN: Năm 2003, Việt Nam đứng thứ 7/11 trong khu vực Đông Nam Á về điểm số EGDI, sau Singapore, Philippines, Malaysia, Brunei, Thái Lan, Indonesia. Năm 2024, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 5/11 trong khu vực, sau Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia và đã vượt qua Philippines, Brunei (Theo Bảng 1).

Về chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (OSI), Việt Nam tăng liên tục và vững chắc đạt 0,183 điểm vào năm 2003, đến năm 2018 đạt 0,736 điểm và năm 2024 đạt 0,708 điểm, tăng 0,525 điểm trong giai đoạn 2003 - 2024 (Theo Bảng 2). Sự gia tăng bền vững này thể hiện nỗ lực đẩy mạnh số hóa thủ tục hành chính, xây dựng cổng dịch vụ công quốc gia và tích hợp các dịch vụ trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Bảng 2. Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (OSI) của các nước, vùng lãnh thổ trong khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2003 - 2024

STT	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	2003	2004	2005	2008	2010	2012	2014	2016	2018	2020	2022	2024
1	Singapore	0,703	0,969	0,996	0,612	0,686	1,000	0,992	0,971	0,986	0,965	0,962	0,983
2	Philippines	0,747	0,591	0,742	0,512	0,394	0,497	0,480	0,667	0,882	0,729	0,630	0,805
3	Indonesia	0,432	0,324	0,296	0,334	0,244	0,497	0,362	0,362	0,569	0,682	0,764	0,803
4	Thailand	0,380	0,533	0,665	0,505	0,333	0,510	0,441	0,551	0,639	0,794	0,776	0,761
5	Malaysia	0,480	0,490	0,577	0,676	0,632	0,791	0,677	0,717	0,889	0,853	0,763	0,728
6	Viet Nam	0,183	0,143	0,223	0,445	0,305	0,425	0,417	0,572	0,736	0,653	0,648	0,708
7	Brunei Darussalam	0,266	0,266	0,246	0,264	0,283	0,595	0,362	0,507	0,722	0,635	0,587	0,580
8	Cambodia	0,127	0,212	0,231	0,197	0,137	0,190	0,173	0,051	0,250	0,453	0,418	0,450
9	Timor-Leste	0,262	0,139	0,113	0,161	0,133	0,216	0,205	0,217	0,313	0,441	0,393	0,341
10	Lao PDR	0,048	0,058	0,079	0,037	0,079	0,216	0,142	0,283	0,167	0,194	0,301	0,326
11	Myanmar	0,087	0,185	0,154	0,114	0,083	0,105	0,024	0,159	0,229	0,259	0,307	0,326

Nguồn: Vụ Kinh tế và Xã hội Liên Hợp quốc

Năm 2024, Việt Nam xếp thứ 6/11 trong khu vực Đông Nam Á về chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (OSI), đứng sau Singapore (0,983), Philippines (0,805), Indonesia (0,803), Thái Lan (0,761) và Malaysia (0,728). (Theo bảng 2).

Về chỉ số Hạ tầng Viễn thông (TII): Năm 2003 chỉ số TII của Việt Nam xuất phát ở mức rất thấp chỉ đạt 0,048 điểm, đến năm 2024 chỉ số này đã nhảy vọt lên 0,878 điểm, tăng thêm 0,830 điểm trong giai đoạn

2003 - 2024. Đây là thành tố có mức bút phá cao nhất trong tất cả các chỉ số thành phần của Việt Nam. Việt Nam nằm trong nhóm các nước tăng trưởng hạ tầng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á (Thái Lan tăng 0,824, Indonesia tăng 0,414, Singapore tăng 0,322). (Theo Bảng 3).

Bảng 3. Chỉ số Hạ tầng Viễn thông của các nước, vùng lãnh thổ trong khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2003 - 2024

STT	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	2003	2004	2005	2008	2010	2012	2014	2016	2018	2020	2022	2024
1	Singapore	0,666	0,663	0,645	0,585	0,639	0,692	0,879	0,841	0,802	0,890	0,876	0,988
2	Brunei Darussalam	0,250	0,233	0,226	0,265	0,270	0,455	0,369	0,351	0,607	0,821	0,837	0,987
3	Malaysia	0,292	0,302	0,305	0,302	0,344	0,451	0,445	0,440	0,565	0,763	0,795	0,986
4	Thailand	0,117	0,116	0,130	0,151	0,175	0,236	0,284	0,412	0,534	0,700	0,734	0,941
5	Viet Nam	0,048	0,040	0,049	0,108	0,226	0,397	0,379	0,371	0,389	0,669	0,697	0,878
6	Indonesia	0,450	0,048	0,049	0,070	0,114	0,190	0,305	0,302	0,322	0,567	0,640	0,864
7	Cambodia	0,004	0,005	0,006	0,020	0,030	0,081	0,207	0,249	0,313	0,547	0,561	0,761
8	Philippines	0,064	0,087	0,084	0,101	0,112	0,208	0,245	0,379	0,355	0,584	0,564	0,755
9	Myanmar	0,003	0,004	0,004	0,004	0,004	0,000	0,008	0,066	0,257	0,523	0,608	0,666
10	Lao PDR	0,007	0,011	0,007	0,021	0,033	0,100	0,162	0,154	0,225	0,238	0,282	0,534
11	Timor-Leste	0,000	0,000	0,000	0,007	0,007	0,065	0,070	0,073	0,294	0,394	0,364	0,355

Nguồn: Vụ Kinh tế và Xã hội Liên Hợp quốc

Xét về vị trí trong khu vực Đông Nam Á, năm 2024 Việt Nam xếp thứ 5/11 về TII, đứng sau Singapore (0,988), Brunei (0,987), Malaysia (0,986) và Thái Lan (0,941) (Theo bảng 3).

Về chỉ số Nguồn nhân lực (HCI): Việt Nam có xu hướng sụt giảm theo phương pháp đánh giá, năm 2003 Việt Nam có điểm số tương đối cao là 0,840, tuy nhiên đến năm 2024 chỉ số chỉ còn 0,727 điểm (giảm 0,113 điểm so với năm 2003). Xu hướng giảm của chỉ số HCI trong giai đoạn này diễn ra ở hầu hết các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan giảm 0,037 điểm, Indonesia giảm 0,061 điểm, Malaysia giảm 0,081 điểm; Brunei giảm 0,161 điểm, Philippines giảm 0,184. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc UN DESA thay đổi tiêu chí, công thức tính toán và chuẩn hóa chỉ số HCI qua các năm, tập trung chuyển sang chú trọng các chỉ số về như số năm đi học trung bình, số năm đi học kỳ vọng, tỷ lệ nhập học bậc cao...

2.2. Một số điểm mạnh

Xét về điểm mạnh trong phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2024, tập trung vào 4 điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, tốc độ cải thiện chung (EGDI) vượt trội với mức tăng 0,414 điểm của Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2024 cao nhất khu vực ASEAN, chứng tỏ sự đầu tư nhất quán và định hướng chiến lược đúng đắn của Chính phủ.

Thứ hai, sự bút phá thần tốc về Chỉ số TII, với mức tăng từ 0,048 điểm lên 0,878 điểm (tăng 0,830 điểm), Việt Nam đã phủ sóng hạ tầng viễn thông, mạng di động và internet băng rộng trên diện rộng, tạo tiền đề vững chắc cho chuyển đổi số quốc gia. Việc thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) đã hoàn thành số hóa, làm sạch và duy trì dữ liệu của hơn 100 triệu công dân theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".

Thứ ba, thứ hạng toàn cầu của Việt Nam cải thiện rõ rệt, tăng 26 bậc (từ 97 lên 71), trong khi nhiều nước trong khu vực bị tụt hạng (Philippines giảm 40 bậc, Brunei giảm 20 bậc, Malaysia giảm 14 bậc).

Thứ tư, giữ vững Chỉ số HCI ở mức khá: Mặc dù điểm số chung bị giảm do phương pháp tính, Việt Nam vẫn vươn lên vị trí thứ 4 khu vực Đông Nam Á ở chỉ số này.

2.3. Một số hạn chế thách thức

Về điểm yếu và thách thức phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam, tập trung ở 2 nội dung chủ yếu:

Thứ nhất, Chỉ số OSI còn khoảng cách khá xa so với nhóm đầu trong khu vực Đông Nam Á. Mặt khác tính hiệu quả, mức độ tích hợp toàn quá trình và tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến thực tế vẫn cần tiếp tục tối ưu hóa. mặc dù các địa phương đã đạt tỷ lệ công bố dịch vụ công trực tuyến toàn trình khá cao (trên 50%), nhưng tỷ lệ hồ sơ thực sự được người dân xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng tại cấp địa phương còn thấp, chỉ dao động từ 14,58% đến 16,94%. Ngoài ra, một điểm nghẽn kỹ thuật quan trọng khác là tỷ lệ tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã số hóa còn thấp. Tỷ lệ khai thác lại dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai đã lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu tại các bộ ngành đôi khi chỉ đạt mức dưới 5%, dẫn đến tình trạng người dân vẫn phải điền lại các thông tin trùng lặp khi hiện thủ tục mới.

Thứ hai, nguy cơ cạnh tranh khốc liệt trong khu vực Đông Nam Á, cụ thể như Indonesia (EGDI tăng từ 0,422 lên 0,799) và Thái Lan (từ 0,446 lên 0,835) có tốc độ bứt phá về Dịch vụ công trực tuyến và Hạ tầng rất nhanh, đòi hỏi Việt Nam phải đẩy nhanh tiến độ hơn nữa để duy trì và nâng cao thứ hạng.

3. Một số giải pháp đề xuất

Nội dung chiến lược phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam tập trung chủ yếu ở Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm 3 quốc gia dẫn đầu khu vực ASEAN và thuộc nhóm 50 quốc gia đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và Chỉ số EGDI, đồng thời nâng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80% (Bộ Chính trị, 2024). Để duy trì đà bứt phá và hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW, hệ thống giải pháp chiến lược sau đây:

Thứ nhất, khẩn trương hoàn thiện hành lang pháp lý cho dữ liệu, trọng tâm là ban hành các quy định đồng bộ về quản trị dữ liệu, chia sẻ dữ liệu có phí/miễn phí, bảo vệ dữ liệu cá nhân và cơ chế phân loại dữ liệu mở. Đồng thời, cần xây dựng khung pháp lý thử nghiệm (Sandbox) cho các dịch vụ công mới dựa trên Trí tuệ nhân tạo và tự động hóa quy trình.

Thứ hai, cần đẩy nhanh tiến độ đưa Trung tâm Dữ liệu Quốc gia vào vận hành chính thức, đóng vai trò là kho lưu trữ và phân tích dữ liệu tập trung lớn nhất cả nước. Việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc dành tối thiểu 10% kinh phí công nghệ thông tin cho công tác an toàn, an ninh mạng là bắt buộc để bảo vệ toàn vẹn dữ liệu quốc gia.

Thứ ba, người dùng yêu cầu tối ưu hóa và tái thiết kế giao diện Cổng Dịch vụ công Quốc gia cũng như ứng dụng VNeID theo hướng đơn giản, dễ thao tác. Nên chuyển từ việc "cung cấp dịch vụ" sang "tối ưu trải nghiệm người dùng", đẩy mạnh dịch vụ công toàn quá trình, tích hợp dữ liệu dân cư và tự động hóa quy trình hành chính.

Thứ tư, về nhân lực đòi hỏi đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc về kỹ năng phân tích dữ liệu và an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức. Nhà nước cần ban hành chính sách ưu đãi đặc thù để thu hút và giữ chân các tài năng công nghệ chất lượng cao làm việc trong khu vực công.

4. Kết luận

Giai đoạn 2003 - 2024 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của Việt Nam trong xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử. Với mức tăng trưởng EGDI ấn tượng và sự bứt phá mạnh mẽ về hạ tầng viễn thông, Việt Nam đã khẳng định được vị thế trong nhóm các quốc gia phát triển trung bình cao về Chính phủ điện tử trong khu vực ASEAN. Điều này thể hiện những thành tựu ghi nhận, cùng sự lan tỏa của Đề án 06 và nền tảng VNeID đã khẳng định tính đúng đắn của chiến lược lấy dữ liệu và người dân làm trung

tâm phục vụ. Việc thực thi quyết liệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị sẽ là chìa khóa tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, tạo xung lực để Việt Nam hoàn thiện nền hành chính số hiện đại, minh bạch, kiến tạo phát triển và đưa đất nước vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên số ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Báo Chính phủ. (2018). Thực trạng và giải pháp xây dựng Chính phủ điện tử. <http://vpcp.chinhphu.vn/Home/Thuc-trang-va-giai-phap-xay-dung-Chinh-phu-dien-tu/20187/24418.vgp>

Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-11162>

Chí Kiên. (2021). Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025. Báo Chính phủ <http://baochinhphu.vn/Chi-dao-quyet-dinh-cua-Chinh-phu-Thu-tuong-Chinh-phu/Chien-luoc-phat-trien-Chinh-phu-dien-tu-huong-toi-Chinh-phu-so-giai-doan-20212025/434941.vgp>

Chính phủ. (2024). Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ về Quy định về định danh và xác thực điện tử. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=210491>

Chính phủ. (2025). Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213871>

Đặng Thị Thu Hương. (2020). Tổng quan về Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2020 của Liên hợp quốc. <https://aita.gov.vn/tong-quan-ve-bao-cao-khao-sat-chinh-phu-dien-tu-nam-2020-cua-lien-hop-quoc#>

Gia Huy. (2021). Chính phủ số tại Việt Nam sẽ được hình thành vào năm 2025. Báo Chính phủ <http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Chinh-phu-so-tai-Viet-Nam-se-duoc-hinh-thanh-vao-nam-2025/425349.vgp>

Hải Liên. (2020). Phát triển Chính phủ điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến hướng đến Chính phủ số. <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/phat-trien-chinh-phu-dien-tu-va-cong-dich-vu-cong-truc-tuyen-huong-den-chinh-phu-so-1491869594>

Hoàng Thị Kim Chi. (2021). Xây dựng Chính phủ điện tử ở Việt Nam - kết quả bước đầu và những vấn đề cần tiếp tục đẩy mạnh. Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, <https://tcnnld.vn/news/detail/49459/Xay-dung-chinh-phu-dien...-ket-qua-buoc-dau-va-nhung-van-de-can-tiep-tuc-day-manh.html>

Hữu Tuấn. (2017). Hạ tầng Internet - Viễn thông: Nền tảng cho hội nhập kinh tế số. Báo Đầu tư <https://baodautu.vn/ha-tang-internet---vien-thong-nen-tang-cho-hoi-nhap-kinh-te-so-d72961.html>

Nguyễn Đức Quyền. (n.d.). Xây dựng Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp. <https://btgdtukhanhhoa.vn/ly-luan-chinh-tri/xay-dung-chinh-phu-dien-tu-huong-den-chinh-phu-so-o-viet-nam-hien-nay-thuc-trang>

Nguyễn Văn Phương, & Nguyễn Phú Hiến. (2019). Xây dựng Chính phủ điện tử, chính phủ số ở Việt Nam. Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, <https://tcnnld.vn/news/detail/43295/Xay-dung-chinh-phu-dien-tu-chinh-phu-so-o-Viet-Nam.html>

Phạm Trung. (2020). Liên hợp quốc xếp hạng về Chính phủ điện tử: Việt Nam tăng 2 bậc. Báo Nhân dân <https://nhandan.vn/thong-tin-so/lhq-xep-hang-ve-chinh-phu-dien-tu-viet-nam-tang-2-bac-608578/>

QA. (2025). Những kết quả đột phá trong triển khai dịch vụ công trực tuyến. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Việt Nam. <https://vjst.vn/nhung-ket-qua-dot-pha-trong-trien-khai-dich-vu-cong-truc-tuyen-71760.html>

Trọng Đạt. (2020). Việt Nam được đánh giá cao về phát triển Chính phủ điện tử. Báo Điện tử Vietnamnet, <https://vietnamnet.vn/vn/thong-tin-truyen-thong/viet-nam-duoc-danh-gia-cao-ve-phat-trien-chinh-phu-dien-tu-669619.html>

Liên Hợp quốc. (2026). E-Government Development Index (EGDI). <https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/About/Overview/-e-Government-Development-Index>